

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt đồ án Quy hoạch xây dựng
vùng huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh đến năm 2040**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24/11/2017;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành QCVN 01:2021/BXD quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 1443/QĐ-TTg ngày 31/10/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Trà Vinh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 1684/QĐ-UBND ngày 18/8/2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt nhiệm vụ Quy hoạch xây dựng vùng huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh đến năm 2040;

Theo đề nghị của Ủy ban nhân dân huyện Cầu Ngang tại Tờ trình số 53/TTr-UBND ngày 21/3/2022 (kèm theo Báo cáo kết quả thẩm định số 02/BCTĐQH-SXD ngày 13/01/2022 và Công văn số 114/SXD-QHKT&PTĐT ngày 28/01/2022 của Sở Xây dựng).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt đồ án quy hoạch xây dựng vùng huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh đến năm 2040, với các nội dung chính như sau:

1. Phạm vi, ranh giới và thời hạn quy hoạch:

1.1. Phạm vi, ranh giới lập quy hoạch:

Phạm vi lập quy hoạch bao gồm toàn bộ địa giới hành chính của huyện Cầu Ngang (bao gồm 15 đơn vị hành chính, trong đó gồm: 02 thị trấn và 13 xã), với tổng diện tích tự nhiên là 328,311 km², được giới hạn như sau:

- Phía Bắc giáp huyện Châu Thành.
- Phía Nam giáp huyện Trà Cú, huyện Duyên Hải và thị xã Duyên Hải.
- Phía Đông giáp huyện Châu Thành và tỉnh Bến Tre.
- Phía Tây giáp huyện Châu Thành và huyện Trà Cú.

1.2. Thời hạn quy hoạch: đến năm 2040.

2. Mục tiêu:

- Làm cơ sở để triển khai và quản lý các quy hoạch, xác định các dự án ưu tiên đầu tư phát triển đô thị, quản lý đô thị, các khu dân cư nông thôn, khu vực phát triển đô thị, các khu du lịch, thương mại dịch vụ, các cụm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, ... làm tiền đề thu hút đầu tư, định hướng phát triển hợp lý các nguồn lực nhằm tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

- Cụ thể hóa quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh.

- Xây dựng huyện Cầu Ngang đạt chuẩn huyện nông thôn mới năm 2022.

- Tạo tiền đề thúc đẩy phát triển kinh tế, nâng cao chất lượng sống, bảo vệ môi trường.

3. Tính chất, chức năng vai trò của vùng:

3.1. Tính chất:

- Vùng huyện Cầu Ngang với khu vực đô thị hóa tập trung chủ yếu tại thị trấn Cầu Ngang và thị trấn Mỹ Long. Trong đó, thị trấn Cầu Ngang là thị trấn huyện lỵ, định hướng đến 2025 đạt tiêu chí đô thị loại IV, với tính chất là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội; thị trấn Mỹ Long là trung tâm dịch vụ, du lịch gắn với kinh tế biển của huyện Cầu Ngang.

- Huyện Cầu Ngang là vùng phát triển nông nghiệp - công nghiệp - thương mại - dịch vụ du lịch biển; là huyện đạt tiêu chí huyện nông thôn mới.

3.2. Chức năng, vai trò của vùng:

- Vùng huyện Cầu Ngang thuộc tiểu vùng phù sa nhiễm mặn, đây là tiểu vùng phát triển có tính chất động lực đối với phát triển kinh tế - xã hội toàn tỉnh, cụ thể: phát triển mạnh về kinh tế biển, tập trung vào khai thác hải sản, nuôi trồng thủy sản, chế biến thủy - hải sản.

- Vùng huyện Cầu Ngang với 02 đô thị là thị trấn Cầu Ngang và thị trấn Mỹ Long, có vai trò quan trọng về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh, quốc phòng, là đầu mối giao thông quan trọng.

4. Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật chính:

4.1 Dân số, lao động:

- Đến năm 2030, tổng dân số toàn huyện dự báo khoảng: 166.422 người (trong đó: Đô thị là 61.972 người; nông thôn là 104.450 người);

- Đến năm 2040, tổng dân số toàn huyện dự báo khoảng: 189.249 người (trong đó: Đô thị là 73.774 người; nông thôn là 115.475 người);

- Lao động: Dự kiến đến năm 2030: khoảng 107.342 người, chiếm 64,5% tổng dân số; đến năm 2040: khoảng 123.958 người, chiếm 65,5% tổng dân số.

4.2. Tỷ lệ đô thị hoá:

- Tỷ lệ đô thị hoá năm 2030: Khoảng 37,24%.

- Tỷ lệ đô thị hoá năm 2040: Khoảng 38,98%.

4.3 Đất đai:

4.3.1. Các chỉ tiêu đất đô thị:

- Chỉ tiêu đất dân dụng bình quân toàn đô thị: 50-80 m²/người (đô thị loại III, IV); 70-100 m²/người (đô thị loại V).

- Chỉ tiêu đất đơn vị ở bình quân toàn đô thị: 28-45 m²/người (đô thị loại III, IV); 45-55 m²/người (đô thị loại V).

4.3.2. Các chỉ tiêu đất xây dựng khu dân cư nông thôn:

- Đất ở : ≥ 25 m²/người;

- Đất xây dựng công trình dịch vụ : $\geq 5 \text{ m}^2/\text{người}$;
- Đất cây xanh công cộng : $\geq 2 \text{ m}^2/\text{người}$;
- Đất giao thông và hạ tầng kỹ thuật : $\geq 5 \text{ m}^2/\text{người}$.

4.3.3. Tỷ lệ các loại đất trong cụm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp (tính trên diện tích toàn khu):

- Các khu kỹ thuật : $\geq 1\%$;
- Giao thông : $\geq 10\%$;
- Cây xanh : $\geq 10\%$.

4.3.4 Dự báo đất đai:

- Đến năm 2030: Đất phát triển đô thị khoảng 4.074,60 ha, trong đó đất xây dựng đô thị khoảng 326,21 - 512,53 ha. Đất nông thôn khoảng 28.756,49 ha.

- Đến năm 2040: Đất phát triển đô thị khoảng 4.074,60 ha, trong đó đất xây dựng đô thị khoảng 393,23 - 614,55 ha. Đất nông thôn khoảng 28.756,49 ha.

4.4. Các chỉ tiêu quy hoạch hạ tầng kỹ thuật:

- Chỉ tiêu cấp nước:
 - + Đô thị: 100-150 lít/người/ngày đêm;
 - + Nông thôn: 80 lít/người/ngày đêm.
- Chỉ tiêu thoát nước: 100% cấp nước.
- Rác thải: 0,8 - 0,9 kg/người-ngày.
- Chỉ tiêu cấp điện: 400 - 1.000 kWh/người.năm.
- Thông tin liên lạc: 70 thuê bao điện thoại/100 dân.

- Hệ thống đường giao thông đô thị đảm bảo QCVN 07-4:2016/BXD; tỷ lệ đất giao thông đô thị (không bao gồm giao thông tĩnh) trong đất xây dựng đô thị tối thiểu: tính đến đường liên khu vực: 6%; tính đến đường khu vực: 13%; tính đến đường phân khu vực: 18%.

- Hệ thống đường giao thông nông thôn phải đạt yêu cầu kỹ thuật theo quy định của Bộ Giao thông vận tải.

- Ngoài ra, các chỉ tiêu hạ tầng khác bảo đảm đúng theo Quy chuẩn Việt Nam QCVN 01:2021/BXD; QCVN 07:2016/BXD và các quy chuẩn, tiêu chuẩn, quy định hiện hành.

5. Định hướng phát triển không gian vùng:

5.1. Định hướng không gian vùng:

Định hướng phát triển hệ thống điểm dân cư đô thị và điểm dân cư nông thôn tạo sự cân đối về mặt hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật và quy mô dân số theo từng giai đoạn quy hoạch.

Dự kiến phát triển không gian đô thị vùng huyện Cầu Ngang như sau:

- Đô thị: Định hướng phát triển đô thị Cầu Ngang và đô thị Mỹ Long.

+ Đô thị Cầu Ngang: Hiện là đô thị loại V, định hướng mở rộng đô thị Cầu Ngang (thị trấn Cầu Ngang hiện hữu, toàn bộ xã Mỹ Hòa và xã Thuận Hòa) giai đoạn đến năm 2025 nâng lên đô thị loại IV là trung tâm động lực phát triển kinh tế cho toàn huyện.

+ Đô thị Mỹ Long: Thị trấn Mỹ Long định hướng tiếp tục phát triển hoàn thiện và nâng cao các tiêu chí đô thị loại V trở thành đô thị trung tâm thương mại, dịch vụ, du lịch của huyện Cầu Ngang.

- Nông thôn: Phát triển theo định hướng quy hoạch chung xây dựng của từng xã, phát triển dọc theo các tuyến lộ chính và hệ thống kênh rạch gắn liền với điều kiện sản xuất nông nghiệp theo hướng bền vững; trong đó hệ thống cụm xã đảm bảo cân đối hài hòa và bổ sung hệ thống các công trình công cộng và dịch vụ cho từng khu vực huyện, đảm bảo nhu cầu sử dụng và bán kính phục vụ, gồm 04 cụm:

+ Cụm phía Đông Nam (gồm xã Hiệp Mỹ Đông, xã Hiệp Mỹ Tây, xã Mỹ Long Nam): Xã Mỹ Long Nam phát triển là trung tâm cụm xã.

+ Cụm phía Tây (gồm xã Hiệp Hòa, xã Kim Hòa, xã Trường Thọ): Xã Hiệp Hòa phát triển là trung tâm cụm xã.

+ Cụm phía Nam (gồm xã Long Sơn, xã Thạnh Hòa Sơn, xã Nhị Trường): Xã Long Sơn phát triển là trung tâm cụm xã.

+ Cụm phía Bắc (gồm xã Vinh Kim, xã Mỹ Long Bắc): Xã Mỹ Long Bắc phát triển là trung tâm cụm xã.

- Các khu chức năng:

+ Cụm công nghiệp Mỹ Long Bắc thuộc xã Mỹ Long Bắc.

+ Cụm công nghiệp Long Sơn thuộc xã Long Sơn.

+ Cụm công nghiệp Hiệp Mỹ Tây thuộc xã Hiệp Mỹ Tây.

+ Ngoài ra, còn định hướng khu sản xuất nông nghiệp tập trung thuộc xã Nhị Trường, Trường Thọ, Hiệp Hòa,...

5.2. Cấu trúc lưu thông vùng:

Sử dụng cấu trúc lưu thông hướng tâm kết hợp với đường vành đai.

- Vành đai 1: Đường tránh thị trấn Cầu Ngang kết hợp với Đường huyện 35 tạo thành vành đai 1.

- Vành đai 2: Đường huyện 17 - Đường huyện 20 - Quốc lộ 53 - Đường huyện 35 - Đường huyện 23 - Đường tỉnh 915B - Đường huyện 5 tạo thành vành đai 2.

- Trục Bắc Nam: Quốc lộ 53. Phía Bắc nối với thành phố Trà Vinh, đi qua đô thị Cầu Ngang, phía Nam nối với thị xã Duyên Hải.

- Trục Đông Tây: Đường tỉnh 912. Phía Tây nối với huyện Châu Thành, đi

qua đô thị Cầu Ngang; phía Đông Nam nối với thị xã Duyên Hải, đi qua đô thị Mỹ Long.

5.3. Định hướng phát triển không gian đô thị và nông thôn:

- Đô thị Cầu Ngang - quy mô đô thị loại IV, là thị trấn huyện lỵ với chức năng chính là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa và an ninh quốc phòng vùng huyện Cầu Ngang. Định hướng đến 2030 diện tích đất đai phát triển đô thị 3.532,22 ha. Dân số đến năm 2030 khoảng 53.599 người, dân số đến năm 2040 khoảng 61.594 người.

- Đô thị Mỹ Long - quy mô đô thị loại V, là thị trấn với chức năng chính là trung tâm thương mại - dịch vụ - du lịch của vùng huyện Cầu Ngang. Diện tích đất đai phát triển đô thị 542,38 ha. Dân số đến năm 2030 khoảng 8.373 người, dân số đến năm 2040 khoảng 12.180 người.

- Cụm phía Đông Nam (xã Hiệp Mỹ Đông, xã Hiệp Mỹ Tây, xã Mỹ Long Nam): Đây là vùng nuôi trồng thủy hải sản, dịch vụ du lịch, công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp. Có diện tích khoảng 7.851,58 ha, định hướng đến năm 2030, quy mô dân số cụm phía Đông Nam khoảng 21.627 người, đến năm 2040 khoảng 23.889 người.

- Cụm phía Tây (xã Kim Hòa, xã Trường Thọ, xã Hiệp Hòa): Đây là vùng nông nghiệp và chăn nuôi. Có diện tích tự nhiên khoảng 6.724,95 ha, định hướng đến năm 2030 quy mô dân số cụm phía Tây khoảng 26.821 người, đến năm 2040 khoảng 29.725 người.

- Cụm phía Nam (xã Long Sơn, xã Thạnh Hòa Sơn, xã Nhị Trường): Đây là vùng nông nghiệp, nuôi trồng thủy hải sản, công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp: Có diện tích khoảng 8.165,13 ha, định hướng đến năm 2030 quy mô dân số cụm phía Nam khoảng 32.076 người, đến năm 2040 khoảng 35.432 người.

- Cụm phía Bắc (xã Vinh Kim, xã Mỹ Long Bắc): Đây là vùng nông nghiệp, nuôi trồng thủy hải sản, công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp. Có diện tích khoảng 6.014,83 ha, định hướng đến năm 2030 quy mô dân số cụm phía Bắc khoảng 23.926 người, đến năm 2040 khoảng 26.429 người.

5.4. Định hướng không gian phát triển công nghiệp và các khu chức năng:

- Cụm công nghiệp Mỹ Long Bắc: Vị trí tại ấp Nhứt A, xã Mỹ Long Bắc với diện tích khoảng 40 ha.

- Cụm công nghiệp Hiệp Mỹ Tây: Vị trí tại ấp Bào Bèo, xã Hiệp Mỹ Tây với diện tích khoảng 40 ha.

- Cụm công nghiệp Long Sơn: Vị trí tại ấp Ô Răng, xã Long Sơn với diện tích khoảng 40 ha.

- Cụm tiểu thủ công nghiệp, làng nghề: Quy hoạch các vùng nguyên liệu, ổn định nguồn nguyên liệu tại chỗ cho các cơ sở sản xuất tiểu thủ công nghiệp mà các xã có lợi thế gắn với phát triển tổ kinh tế hợp tác trong lĩnh vực sản xuất tiểu thủ công nghiệp. Tiếp tục bảo tồn và phát triển các làng nghề truyền thống như:

Làng nghề bánh tét Trà Cuôn xã Kim Hòa; Làng nghề khai thác, sơ chế, chế biến thủy hải sản thị trấn Mỹ Long; Làng nghề làm cơm dẹp xã Nhị Trường.

5.5. Định hướng không gian phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp:

5.5.1. Tiểu vùng I:

Là vùng nằm phía Tây của huyện Cầu Ngang, diện tích khoảng 11.811 ha. Gồm các xã Nhị Trường, Trường Thọ và một phần các xã Kim Hòa, Hiệp Hòa, Thuận Hòa, Long Sơn, Thạnh Hòa Sơn, thị trấn Cầu Ngang. Đây là khu vực có địa hình bằng phẳng, mạng lưới thủy lợi nội đồng tương đối hoàn chỉnh cung cấp đủ nước tưới quanh năm, trình độ thâm canh cao hơn các vùng khác trong huyện. Phù hợp với sản xuất lúa chất lượng cao, nuôi trồng thủy sản nước ngọt và phát triển chăn nuôi gia cầm, heo, bò,...

5.5.2. Tiểu vùng II:

Là khu vực trung tâm của huyện, diện tích khoảng 10.300 ha, gồm một phần các xã Vinh Kim, Kim Hòa, Hiệp Hòa, Mỹ Hòa, thị trấn Cầu Ngang, Thuận Hòa, Long Sơn, Thạnh Hòa Sơn, Hiệp Mỹ Tây, Hiệp Mỹ Đông. Đất nông nghiệp của tiểu vùng khoảng 7.300 ha. Phát triển tốt các loại nông sản: lúa - gạo đặc sản và chất lượng cao, các loại rau - màu, nuôi trồng thủy sản, phát triển chăn nuôi gia cầm, heo, bò,...

5.5.3. Tiểu vùng III:

Nằm phía Đông huyện, diện tích khoảng 6.300 ha, trong đó có khoảng 4.400 ha đất nông nghiệp, gồm các xã: Mỹ Long Nam, Mỹ Long Bắc, thị trấn Mỹ Long và một phần các xã: Vinh Kim, Mỹ Hòa, Hiệp Mỹ Đông. Với lợi thế có sẵn nguồn nguyên liệu lớn từ các lĩnh vực sản xuất nông nghiệp trồng lúa, nuôi trồng thủy sản và lực lượng lao động trẻ dồi dào, tiểu vùng III có đủ các điều kiện cần thiết để phát triển cụm công nghiệp theo hướng ưu tiên một số ngành nghề có tiềm năng và nguồn nguyên liệu tại chỗ: công nghiệp chế biến thủy sản, đậu phộng, lúa gạo xuất khẩu...

5.5.4. Tiểu vùng IV:

Là khu vực nằm ngoài đê ngăn mặn Chà Và - Thâu Râu, diện tích khoảng 2.300 ha, gồm một phần các xã Vinh Kim, Mỹ Long Bắc. Có nguồn tài nguyên thủy sản phong phú, thuận lợi cho phát triển mạnh về đánh bắt, nuôi trồng thủy sản. Mặt khác, có thể kết hợp trồng rừng, phát triển nuôi trồng thủy sản và du lịch sinh thái.

5.5.5. Tiểu Vùng V:

Là khu vực Cồn Nạn xã Mỹ Long Nam, diện tích khoảng 2.270 ha, chủ yếu là đất sông, đất rừng phòng hộ và nuôi trồng thủy sản. Đây là khu vực có vị trí quan trọng về quốc phòng, bảo vệ tài nguyên vùng cửa sông và đặc biệt về phát triển nuôi trồng thủy sản.

5.6. Định hướng không gian phát triển du lịch, thương mại dịch vụ:

- Du lịch:

+ Phát triển Cụm du lịch Côn Ngêu bao gồm các điểm du lịch Côn Bần, Côn Ngêu, Hàng Dương.

+ Ưu tiên phát triển khu du lịch sinh thái Hàng Dương tại xã Mỹ Long Nam với diện tích khoảng 20,68 ha.

+ Khu du lịch sinh thái thị trấn Mỹ Long (kết hợp với đất rừng phòng hộ).

+ Khu du lịch sinh thái xã Mỹ Long Bắc (kết hợp với đất rừng phòng hộ).

+ Du lịch làng nghề cụm xã Mỹ Long Bắc, xã Mỹ Long Nam, thị trấn Mỹ Long.

- Thương mại dịch vụ:

+ Phát triển các loại hình, tổ chức thương mại bán lẻ quy mô nhỏ và vừa tại thị trấn Cầu Ngang và thị trấn Mỹ Long.

+ Phát triển hạ tầng thương mại phục vụ cho hoạt động cung cấp nguyên liệu sản xuất nông nghiệp và tiêu thụ hàng nông sản, thủy sản.

+ Củng cố hệ thống bán lẻ, chợ bán buôn nông sản phù hợp với quá trình tập trung hóa sản xuất và tiêu dùng ở nông thôn, từng bước nâng cao văn minh thương mại và áp dụng phương thức kinh doanh mới, các dịch vụ hỗ trợ trong các chợ bán buôn, chợ quy mô lớn.

+ Giai đoạn 2022-2030, định hướng quy hoạch xây mới và mở rộng 09 chợ, trong đó: xây mới 05 chợ và mở rộng 04 chợ. Đến năm 2030, định hướng phát triển 01 siêu thị tại thị trấn Cầu Ngang.

5.7. Định hướng không gian bảo tồn, bảo vệ cảnh quan:

- Định hướng phát triển các khu vực bảo tồn đảm bảo các yếu tố: Bảo tồn cảnh quan thiên nhiên; các công trình di tích lịch sử, các công trình kiến trúc tôn giáo; bảo tồn cảnh quan thiên nhiên dọc sông Cổ Chiên; tôn tạo và bảo tồn khu di tích Bàu Dài xã Nhị Trường.

- Định hướng phát triển các khu vực bảo vệ cảnh quan: Tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan theo hướng vừa bảo vệ, vừa khai thác giá trị cảnh quan dọc sông Cổ Chiên, sông Cầu Ngang, sông Vinh Kim, cảnh quan vùng nông nghiệp,...

5.8. Định hướng phát triển hệ thống công trình hạ tầng xã hội:

- Định hướng phát triển hệ thống trung tâm giáo dục đào tạo:

+ Cải tạo mở rộng và nâng cấp các trường: Trường THPT Dương Quang Đông, Trường THPT Nhị Trường, Trường THPT Cầu Ngang A, Trường THPT Cầu Ngang B.

+ Đầu tư xây dựng cơ sở vật chất đảm bảo đạt chuẩn giáo dục quốc gia về phòng học, các phòng chức năng, công trình phụ trợ, đầu tư trang thiết bị phục vụ dạy và học. Theo đó hệ thống trường học hiện hữu trên địa bàn huyện cần nâng cấp, cải tạo mở rộng để đảm bảo quy mô phục vụ đáp ứng quy hoạch phát triển đến năm 2040.

- Định hướng phát triển hệ thống trung tâm y tế:

Hệ thống công trình y tế hiện nay đảm bảo phục vụ quy mô toàn huyện. Mỗi xã có 01 trạm y tế, huyện có Bệnh viện đa khoa khu vực Cầu Ngang phục vụ cho toàn huyện. Trong giai đoạn phát triển trở thành huyện nông thôn mới và định hướng phát triển huyện Cầu Ngang đến năm 2040, có thể xây dựng các trung tâm y tế theo hướng xã hội hóa thuộc khu công trình trung tâm cụm xã để góp phần hoàn thiện cơ sở hạ tầng y tế cho nhân dân toàn huyện.

- Định hướng phát triển hệ thống trung tâm văn hóa - thể dục thể thao:

+ Đối với khu vực đô thị: Xây dựng mới, cải tạo nâng cấp hệ thống các công trình trung tâm văn hóa và thể dục thể thao để đảm bảo yêu cầu sử dụng.

+ Đối với khu vực nông thôn: Các xã đều có nhà văn hóa xã đáp ứng yêu cầu sử dụng. Đối với các trung tâm cụm xã nghiên cứu bố trí thêm các công trình văn hóa, thể dục thể thao cấp khu vực ở trung tâm cụm xã, có thể kết hợp gắn vị trí trường trung học phổ thông.

+ Các công trình công viên cây xanh được định hướng kết hợp với các công trình thể dục thể thao, các công trình vui chơi giải trí cho thiếu nhi....

6. Định hướng phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

6.1. Định hướng hạ tầng kỹ thuật cấp vùng:

Huyện Cầu Ngang chịu ảnh hưởng chế độ thủy triều trên sông Cỏ Chiên. Do đó cao độ xây dựng $H_{xd} = H_{ng} + \Delta h = + 2,3m$ (Cao độ Hòn Dấu).

- Cao độ nền các khu vực xây dựng:

+ Cao độ các trục giao thông chính và cao độ nền các khu vực xây dựng:
 $H_{tk} \geq 2,3m$

+ Quy hoạch cao độ nền chú ý tới độ dốc đường và hướng thoát nước để giảm độ sâu chôn cống thoát nước mưa.

- Thoát nước mưa:

+ Hướng thoát: Theo hướng dốc cục bộ đổ ra sông, kênh, rạch gần nhất trước khi dẫn ra sông Cỏ chiên.

+ Khu vực thị trấn Cầu Ngang, thị trấn Mỹ Long và các cụm công nghiệp bố trí hệ thống thoát nước riêng. Các trung tâm xã bố trí hệ thống thoát nước chung. Khu vực các ấp sử dụng hệ thống thoát nước chung phân tán theo cụm dân cư tập trung.

6.2. Định hướng quy hoạch giao thông:

6.2.1. Giao thông đường bộ:

- Quốc lộ 53: Đoạn qua huyện Cầu Ngang nâng cấp đạt tối thiểu tiêu chuẩn đường cấp III đồng bằng, gồm 2 làn xe, nền đường 12m; phần đất dự trữ mỗi bên 15m, lộ giới 42,0m.

- Đường tránh Quốc lộ 53: Đường cấp III đồng bằng, gồm 2 làn xe, nền đường 12m, phần đất dự trữ mỗi bên 15m, lộ giới 42,0m.

- Đường tỉnh 912: Đường cấp IV đồng bằng, gồm 2 làn xe, nền đường 9m, phần đất dự trữ mỗi bên 10m, lộ giới 29,0m.
- Đường tỉnh 915B: Đường cấp IV đồng bằng, gồm 2 làn xe, nền đường 9m, phần đất dự trữ mỗi bên 10m, lộ giới 29,0m.
- Đường huyện 5: Từ Đường tỉnh 912 đến Đường tỉnh 915B. Quy hoạch đạt tiêu chuẩn đường cấp V đồng bằng, gồm 2 làn xe, nền đường 7,5m, phần đất dự trữ mỗi bên 10m, lộ giới 27,5m.
- Đường huyện 12: Từ Đường huyện 21 xã Long Sơn, huyện Cầu Ngang đến QL.53 xã Hàm Giang, huyện Trà Cú. Quy hoạch đạt tiêu chuẩn đường cấp IV đồng bằng, gồm 2 làn xe, nền đường 9m, phần đất dự trữ mỗi bên 10m, lộ giới 29,0m.
- Đường huyện 17: Từ QL.53 công Trà Cuôn, huyện Cầu Ngang đến QL.54, xã Phước Hưng, huyện Trà Cú; chia làm 02 đoạn:
 - + Đoạn 1: Từ QL.53, công Trà Cuôn, huyện Cầu Ngang đến Đường huyện 20. Quy hoạch đạt tiêu chuẩn đường cấp IV đồng bằng, gồm 2 làn xe, nền đường 9m, phần đất dự trữ mỗi bên 10m, lộ giới 29,0m.
 - + Đoạn 2: Từ Đường huyện 20 đến QL.54 xã Phước Hưng, Trà Cú. Quy hoạch đạt tiêu chuẩn đường cấp IV đồng bằng, gồm 2 làn xe, nền đường 9m, phần đất dự trữ mỗi bên 10m, lộ giới 29,0m.
- Đường huyện 18: Từ QL.53 thị trấn Cầu Ngang đến QL.53, xã Ngãi Xuyên, huyện Trà Cú. Quy hoạch đạt tiêu chuẩn đường cấp IV đồng bằng, gồm 2 làn xe, nền đường 9m, phần đất dự trữ mỗi bên 10m, lộ giới 29,0m.
- Đường huyện 20: Từ QL.53, xã Long Sơn đến Đường huyện 17, xã Nhị Trường. Quy hoạch đạt tiêu chuẩn đường cấp IV đồng bằng, gồm 2 làn xe, nền đường 9m, phần đất dự trữ mỗi bên 10m, lộ giới 29,0m.
- Đường huyện 21: Tuyến bắt đầu từ nút giao Đường tỉnh 914 - Tuyến số 2, xã Ngũ Lạc, huyện Duyên Hải đi thẳng đến giao với Đường huyện 21 tại ấp Lạc Sơn, xã Thạnh Hoà Sơn, huyện Cầu Ngang với chiều dài khoảng 3,67 km (đoạn 1); sau đó tuyến tiếp tục đi theo Đường huyện 21 về điểm cuối tại ngã ba xã Long Sơn (Quốc lộ 53), huyện Cầu Ngang với tổng chiều dài khoảng 6,9 km (đoạn 2). Quy hoạch đạt tiêu chuẩn đường cấp III đồng bằng, gồm 2 làn xe, nền đường 12m, phần đất dự trữ mỗi bên 15m, lộ giới 42,0m.
- Đường huyện 22: Từ QL.53, xã Hiệp Mỹ Tây đến ĐH.21, xã Thạnh Hòa Sơn. Quy hoạch đạt tiêu chuẩn đường cấp V đồng bằng, gồm 2 làn xe, nền đường 7,5m, phần đất dự trữ mỗi bên 10m, lộ giới 27,5m.
- Đường huyện 23: Từ ĐT.912, xã Mỹ Long Bắc đến ĐT.915B, xã Mỹ Long Nam. Quy hoạch đạt tiêu chuẩn đường cấp V đồng bằng, gồm 2 làn xe, nền đường 7,5m, phần đất dự trữ mỗi bên 10m, lộ giới 27,5m.
- Đường huyện 35: Từ QL.53, TT. Cầu Ngang đến QL.53, xã Hiệp Mỹ Tây, Cầu Ngang. Quy hoạch đạt tiêu chuẩn đường cấp V đồng bằng, gồm 2 làn xe, nền

đường 7,5m, phần đất dự trữ mỗi bên 10m, lộ giới 27,5m.

- Các tuyến đường giao thông liên xã: Đường giao thông cấp A, vỉa hè mỗi bên 3,0m, lòng đường 6,5m, lộ giới 12,5m.

- Giao thông nông thôn phục vụ sản xuất:

+ Cấp A: Các tuyến đóng vai trò là trục chính yếu của xã, kết nối và lưu thông hàng hóa từ huyện tới các xã, ấp, xóm và các cơ sở sản xuất kinh doanh của xã. Các tuyến trục chính được quy hoạch xây dựng có kết cấu mặt đường rộng $\geq 3,5m$, nền đường $\geq 6,5m$.

+ Cấp B và cấp C: Chủ yếu phục vụ đi lại của người dân và lưu thông hàng hóa trong phạm vi của ấp, xóm; đường cấp B có bề rộng mặt đường $\geq 3,5m$, nền đường $\geq 5,0m$; đường cấp C có bề rộng mặt đường $\geq 3,0m$, nền đường $\geq 4,0m$.

+ Cấp D: Chủ yếu phục vụ đi lại của người dân, không có xe cơ giới qua lại, bề rộng mặt đường $\geq 1,5m$, nền đường $\geq 2,0m$.

Bảng thống kê quy hoạch giao thông đường bộ trên địa bàn huyện Cầu Ngang

STT	Tên đường	Kí hiệu mặt cắt	C.đài (km)	Quy hoạch				
				Rộng		K.cấu mặt	Cấp	Lộ giới (m)
				Mặt	Nền			
I	Quốc lộ							
1	QL.53	A-A	24,50	7,0	12,0	BTN	III	42,0
2	Đường tránh QL.53	A-A	3,87	7,0	12,0	BTN	III	42,0
II	Đường tỉnh							
1	ĐT.912	B-B	15,71	7,0	9,0	Nhựa	IV	29,0
2	ĐT.915B	B-B	22,07	7,0	9,0	Nhựa	IV	29,0
III	Đường huyện							
1	Đường huyện 5	C-C	2,08	5,5	7,5	Nhựa	V	27,5
2	Đường huyện 12	B-B	2,51	7,0	9,0	Nhựa	IV	29,0
3	Đường huyện 17		17,24					
	Đoạn 1	B-B	11,00	7,0	9,0	Nhựa	IV	29,0
	Đoạn 2	B-B	6,24	7,0	9,0	Nhựa	IV	29,0
4	Đường huyện 18	B-B	14,90	7,0	9,0	Nhựa	IV	29,0
5	Đường huyện 20	B-B	8,10	7,0	9,0	Nhựa	IV	29,0
6	Đường huyện 21	A-A	8,30	7,0	12,0	Nhựa	III	42,0
7	Đường huyện 22	C-C	5,90	5,5	7,5	Nhựa	V	27,5
8	Đường huyện 23	C-C	8,74	5,5	7,5	Nhựa	V	27,5
9	Đường huyện 35	C-C	11,74	5,5	7,5	Nhựa	V	27,5
IV	Đường liên xã							
1	Đường liên xã Vinh Kim - Mỹ Long Bắc	D-D	6,50	4,5	6,5	Nhựa		12,5

2	Đường liên xã Mỹ Long Bắc - Mỹ Long Nam	D-D	10,62	4,5	6,5	Nhựa	12,5
3	Đường liên xã Trường Thọ - Nhị Trường	D-D	4,30	4,5	6,5	Nhựa	12,5
4	Đường liên xã Trường Thọ - Mỹ Chánh	D-D	4,60	4,5	6,5	Nhựa	12,5
5	Đường liên xã Hiệp Hòa - Nhị Trường	D-D	8,91	4,5	6,5	Nhựa	12,5
6	Đường liên xã Kim Hòa - Hiệp Hòa	D-D	4,10	4,5	6,5	Nhựa	12,5
7	Đường liên xã Thanh Hòa Sơn - Hiệp Mỹ Tây	D-D	10,00	4,5	6,5	Nhựa	12,5

6.2.2. Giao thông đường thủy:

- Tuyến giao thông thủy:

+ Các tuyến giao thông thủy liên vùng: Sông Cỏ Chiên là tuyến giao thông thủy cấp đặc biệt do Trung ương quản lý, là tuyến đường thủy trọng điểm của huyện Cầu Ngang nói riêng và tỉnh Trà Vinh nói chung.

+ Các tuyến giao thông thủy nội vùng, đường thủy nội đồng do huyện Cầu Ngang quản lý: Sông Vinh Kim, sông Cầu Ngang, sông Bình Tân, sông Thâu Râu, sông Hiệp Mỹ, sông Hậu Bồi, sông Hạnh Mỹ; kênh Vĩnh Bình, kênh Thống Nhất, kênh Tân Lập, kênh Thầy Nại, kênh Long Hiệp, kênh Xáng...

- Bến đường thủy:

+ Xây dựng 01 bến hành khách ngang sông tại ấp Rầy A - Bãi Vàng thuộc xã Vinh Kim và 01 bến hành khách ngang sông Cỏ Chiên tại xã Mỹ Long Bắc.

+ Cảng đường thủy nội địa: Xây dựng 01 bến thủy nội địa tại thị trấn Mỹ Long.

+ Cảng cá: Xây dựng 01 cảng cá và khu neo đậu tránh, trú bão cho tàu cá tại khu vực Vàm Lầu thuộc xã Mỹ Long Bắc.

6.2.3. Giao thông công cộng:

- Định hướng phát triển tuyến xe buýt kết nối trung tâm các xã với thị trấn và các trung tâm đô thị như thành phố Trà Vinh, thị xã Duyên Hải tạo điều kiện đi lại bằng phương tiện giao thông công cộng cho người dân.

- Các tuyến xe buýt đang hoạt động trên địa bàn huyện Cầu Ngang hiện nay:

+ Tuyến xe buýt số 04: thành phố Trà Vinh - thị trấn Mỹ Long - xã Mỹ Long Nam, với cự ly tuyến là 38,2 km.

+ Tuyến xe buýt số 06: thành phố Trà Vinh - thị trấn Cầu Ngang - ngã ba Mỹ Quý, xã Hiệp Mỹ Tây, với cự ly tuyến là 39,2 km.

- Quy hoạch phát triển thêm tuyến xe buýt: thị trấn Cầu Ngang - thị trấn Định An, với cự ly tuyến là 44,0 km.

6.2.4. Công trình đầu mối giao thông:

- Bến xe khách Cầu Ngang: Xây dựng mới tại nút giao giữa Quốc lộ 53 và đường vành đai thị trấn, xã Thuận Hòa, huyện Cầu Ngang, đạt tiêu chuẩn loại 4. Quy mô từ 1,2-2,0 ha làm đầu mối phát triển hệ thống giao thông toàn huyện.

- Xây dựng các điểm đầu cuối phục vụ xe buýt tại các khu đô thị và cụm công nghiệp, có diện tích khoảng 2.000m²/điểm.

- Bến hàng hóa: Theo định hướng quy hoạch chung xây dựng thị trấn Cầu Ngang, tại thị trấn Cầu Ngang có quy hoạch một bến hàng hóa ngay ngã ba sông Cầu Ngang và sông Bình Tân.

6.3. Định hướng quy hoạch hệ thống cấp nước:

- Nhu cầu dùng nước:

+ Giai đoạn 2030: Tổng nhu cầu dùng nước 22.090 m³/người.ngày đêm.

+ Giai đoạn 2040: Tổng nhu cầu dùng nước 29.640 m³/người.ngày đêm.

- Nguồn cấp nước:

+ Sử dụng các trạm cấp nước tại thị trấn Cầu Ngang và các xã, nâng cấp công suất các trạm cấp nước này đảm bảo nhu cầu cấp nước theo quy hoạch từng xã và đô thị theo định hướng năm 2030 và năm 2040.

+ Nước sử dụng cho xử lý nước cấp là nguồn nước dưới đất.

+ Xây dựng trạm xử lý nước cấp cho đô thị Cầu Ngang quy mô 7.050m³/ngày đêm.

- Mạng lưới cấp nước:

+ Điều chỉnh, cải tạo công suất các trạm cấp nước tại thị trấn Cầu Ngang và mỗi xã theo hướng đáp ứng đủ nhu cầu cho quy mô dân số quy hoạch tại mỗi xã và thị trấn.

+ Riêng đô thị Cầu Ngang và đô thị Mỹ Long cần có kế hoạch nâng cấp nhà máy cấp nước theo định hướng phát triển quy hoạch đô thị.

+ Quy hoạch mới và cải tạo hệ thống đường ống cấp nước hiện hữu, đảm bảo tỷ lệ cấp nước 100% cho khu vực trung tâm xã và hai đô thị Cầu Ngang và Mỹ Long.

6.4. Định hướng quy hoạch hệ thống thoát nước thải, xử lý chất thải rắn và nghĩa trang:

6.4.1. Thoát nước thải:

Định hướng quy hoạch thoát nước thải:

- Thoát nước cho thị trấn Cầu Ngang, thị trấn Mỹ Long và các khu đô thị mới: Xây dựng hệ thống thu gom xử lý nước thải riêng độc lập với hệ thống thoát

nước mưa. Xây dựng mới trạm xử lý nước thải sinh hoạt cho thị trấn Cầu Ngang công suất 2.000 - 3.000 m³/ngày đêm. Đến 2030, xây dựng trạm xử lý nước thải tập trung cho đô thị Mỹ Long, công suất 1.000m³/ngày.đêm, đến năm 2040 nâng cấp lên công suất 2.000m³/ngày.đêm.

- Thoát nước thải cho khu vực nông thôn, các xã: Đến 2030, hệ thống thoát nước chung với nước mưa. Đến 2040, khu vực trung tâm các xã xây dựng trạm xử lý nước thải tập trung và hệ thống thu gom nước thải độc lập để đảm bảo chất lượng nước mặt và bảo vệ môi trường; vị trí trạm xử lý đặt tại vị trí dễ dàng thu gom nước tập trung cho khu vực trung tâm xã và đảm bảo khoảng cách ly với khu dân cư; xây dựng mới trạm xử lý nước thải tại Mỹ Hòa và Thuận Hòa, công suất 2.000m³/ngày.đêm.

- Tại cụm công nghiệp, nước thải sản xuất công nghiệp phải được thu gom xử lý bằng hệ thống thoát nước riêng, tiêu chuẩn xử lý và chất lượng phải đạt tiêu chuẩn nước thải công nghiệp trước khi xả ra nguồn tiếp nhận.

- Nước thải sản xuất chế biến nông, thủy hải sản quy mô nhỏ tại các khu vực trung tâm xã, vùng nông thôn cần được thu gom xử lý sơ bộ đạt chuẩn trước khi xả ra ngoài nguồn tiếp nhận.

6.4.2. Xử lý chất thải rắn

- Lượng chất thải rắn của huyện theo tính toán: Năm 2030: 200 tấn/ngày; năm 2040: 220 tấn/ngày.

- Tăng cường khả năng thu gom chất thải rắn từ các khu vực dân cư của xã và thị trấn, đặc biệt các khu vực trung tâm xã. Bố trí các điểm thu gom, tập trung chất thải rắn tại mỗi trung tâm xã và khu vực tập trung đông dân cư. Sau đó thu gom vận chuyển về nhà máy xử lý chất thải rắn tập trung để xử lý.

- Tăng cường triển khai công tác vận động tuyên truyền người dân phân loại rác tại nguồn, để đảm bảo hiệu quả thu gom xử lý.

6.4.3 Nghĩa trang:

- Nghĩa trang được quy hoạch vị trí phân bố cho các xã và thị trấn theo hướng công viên nghĩa trang.

- Chỉ tiêu đất nghĩa trang 0,04 ha/1.000 dân.

- Tổng số nghĩa trang trên địa bàn huyện Cầu Ngang được quy hoạch là 13 nghĩa trang, gồm 05 nghĩa trang xây dựng mới và 08 nghĩa trang mở rộng với tổng diện tích là 13,40 ha.

6.5. Định hướng quy hoạch hệ thống cấp điện:

* Nguồn cấp điện: Khu vực huyện Cầu Ngang được cấp điện từ tuyến 471, 473, 475, 477, 479 trạm 110/22kV Cầu Ngang (1x40MVA); tuyến 472 trạm 110/22kV Trà Vinh (2x40MVA); tuyến 471, 476 trạm 110/22Kv Duyên Trà (2x40MVA).

* Định hướng quy hoạch mạng lưới:

- Lưới điện 110kV:

+ Lắp thêm MBA T2 (40MVA) trạm 110/22kV Cầu Ngang, giai đoạn 2021-2025.

+ Xây dựng mới trạm 220kV Cầu Ngang (250MVA), giai đoạn 2030-2040.

+ Nâng công suất trạm 110/22kV Cầu Ngang từ 2x40MVA lên 2x63MVA), giai đoạn 2030-2040.

- Lưới điện trung hạ thế 22kV: Tiếp tục cải tạo và nâng cấp lưới điện trung hạ thế 22kV hiện hữu theo lộ trình quy hoạch của ngành điện. Xây dựng mới các tuyến trung hạ thế mới 22kV phù hợp với hạ tầng giao thông xây dựng mới.

- Lưới điện chiếu sáng đèn đường tiếp tục xây dựng; cải tạo, nâng cấp trong khu vực đô thị và các tuyến đường chính, xây dựng thêm các tuyến đường có hệ thống đèn chiếu sáng ở các xã, thị trấn.

6.6. Định hướng phát triển hạ tầng viễn thông:

- Dự báo nhu cầu đến 2030: Thuê bao điện thoại băng thông rộng: khoảng 116.496 thuê bao; thuê bao internet (cố định + di động): khoảng 50% hộ gia đình có thuê bao internet tốc độ cao.

- Dự báo nhu cầu đến 2040: Thuê bao điện thoại băng thông rộng: khoảng 132.474 thuê bao; thuê bao internet (cố định + di động): khoảng 50% hộ gia đình có thuê bao internet tốc độ cao.

- Nguồn cấp: Hệ thống thông tin liên lạc chính của huyện được cấp từ bưu điện Cầu Ngang và các bưu điện xã thông qua tuyến thông tin liên lạc chính dọc đường giao thông trong khu quy hoạch.

- Xây dựng và phát triển cơ sở hạ tầng viễn thông hiện đại đáp ứng nhu cầu trên địa bàn huyện

- Hạ tầng chuyên mạch, truyền dẫn, ngoại vi, di động, bưu chính được quan tâm, đầu tư phát triển, đảm bảo phục vụ tốt nhu cầu thông tin liên lạc của nhân dân trong huyện.

6.7. Định hướng quy hoạch thủy lợi:

- Phát triển hệ thống thủy lợi hiện hữu, có kế hoạch nạo vét định kỳ lòng sông, kênh rạch đảm bảo phục vụ tưới tiêu nội đồng.

- Quy hoạch các van ngăn triều, kè kênh rạch lớn bảo vệ bờ.

- Cải tạo và điều chỉnh các tuyến sông, kênh rạch theo định hướng phát triển giao thông thủy và phục vụ cho sản xuất nông nghiệp.

7. Đánh giá môi trường chiến lược: Thực hiện theo quy định.

8. Các dự án ưu tiên đầu tư:

Ưu tiên các dự án hạ tầng khung diện rộng, các công trình đầu mối đảm bảo kết nối các khu vực phát triển đô thị và nông thôn; Ưu tiên các dự án đầu tư phát triển cho khu vực đô thị giữ vai trò chủ chốt, khu vực các cụm công nghiệp,... để làm động lực phát triển kinh tế của huyện; Ưu tiên các dự án phục vụ mục tiêu về

đích huyện nông thôn mới, các dự án phát triển đô thị Cầu Ngang theo tiêu chí đô thị loại IV. Các dự án chính trang, nâng cấp công trình hạ tầng xã hội (công trình công cộng, công viên, cây xanh...) nhằm xây dựng kết cấu hạ tầng khung về văn hóa, thể thao, y tế, giáo dục, đào tạo, hạ tầng kỹ thuật cấp vùng huyện, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

(Quy định quản lý theo đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh đến năm 2040 theo hồ sơ kèm theo Tờ trình số 53/TTr-UBND ngày 21/3/2022 của Ủy ban nhân dân huyện Cầu Ngang)

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

1. Ủy ban nhân dân huyện Cầu Ngang:

- Tổ chức công bố, công khai đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh đến năm 2040 để các tổ chức, cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan biết, thực hiện và giám sát việc thực hiện; cung cấp hồ sơ về Sở Xây dựng lưu trữ đăng tải lên trang thông tin điện tử theo quy định.

- Phối hợp với các sở, ban, ngành tỉnh và các cơ quan, đơn vị có liên quan xây dựng kế hoạch và tổ chức triển khai thực hiện đúng quy hoạch được phê duyệt đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành.

- Tổ chức rà soát, điều chỉnh, bổ sung các nội dung quy hoạch trong các đồ án quy hoạch và quy định quản lý liên quan đã ban hành phù hợp với đồ án quy hoạch xây dựng vùng huyện được duyệt.

2. Các sở, ban, ngành tỉnh có liên quan căn cứ quy hoạch được duyệt, phối hợp với Ủy ban nhân dân huyện Cầu Ngang tổ chức, triển khai thực hiện quy hoạch đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Cầu Ngang và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 4;
- BLĐVP UBND tỉnh;
- Các Phòng: KT, NN, THNV;
- Lưu: VT, Phòng CNXD.oz

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Trung Hoàng